

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-PT
Ngày 23 – 11 – 2023
Về việc Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3717/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim Y, sinh năm 1989; (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Lập E, sinh năm 1983; (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn Lập E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị Kim Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L Em tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, được cấp giấy chứng nhận ngày 16/06/2011. Kết hôn xong vợ chồng sống bên vợ tại ấp T, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế, gia đình, khi cãi nhau anh L Em có đánh chị nhiều lần, có lần đánh chị chị phải may mấy mũi trên môi, có hai lần đánh chị tới xui, chị không có báo hay yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Từ cuối năm 2021 đến nay anh L Em đi làm không có gửi tiền về cho chị nuôi con. Vợ chồng ly thân khoảng giữa năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành và nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh L Em.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Yến K sinh ngày 08/02/2017, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh L Em cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con, hai con là 4.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay chị chỉ biết anh L Em có buôn bán, nhưng thu nhập hàng tháng bao nhiêu thì chị không biết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn L Em trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Y về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị Y có quen với người đàn ông khác, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình chị Y khó khăn làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã, khi cãi nhau nóng tính thì anh có đánh chị Y khoảng 4 lần. Nhưng sau đó vợ chồng vẫn hàn gắn tình cảm với nhau.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Y kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Yến K sinh ngày 08/02/2017, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh buôn bán thủy sản ở Chợ L, thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000 đồng, anh đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim Y.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/9/2011, cháu Nguyễn Thị Yến K sinh ngày 08/02/2017, khi ly hôn giao hai con chung cho chị Phan Thị Kim Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn L Em phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng, hai con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/8/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn L Em kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh Lập E không đồng ý với yêu cầu của chị Y về quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con nêu trong bản án. Anh Lập E yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho anh được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn L Em giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn chị Phan Thị Kim Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh Lập E. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L Em; Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 99/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L Em và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L Em kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/06/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Y cho rằng giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình; anh Lập E thì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do anh nghi ngờ chị Y có quen với người đàn ông khác, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình chị Y khó khăn làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã, khi cãi nhau do nóng tính nên anh có đánh chị Y khoảng bốn lần, anh chị ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, anh chị đều nhận thấy có nhiều bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn. Chị Y yêu cầu ly hôn và anh Lập E cũng đồng ý ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Y và anh Lập E là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị Y và anh Lập E tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị đều trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những nội dung về hôn nhân, về tài sản chung, về nợ chung các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm

theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn L Em chỉ kháng cáo về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Anh Lập E không đồng ý cho chị Y nuôi 02 con chung, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Anh Lập E yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn L Em, nhận thấy:

[2.1] Chị Y và anh Lập E có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Yến K, sinh ngày 08/02/2017, các con hiện đang sống chung với chị Y. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh Lập E cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/1 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Lập E không đồng ý và có yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Xét thấy, hiện nay hai cháu Yến N và Yến K đang sống với chị Y và ông bà ngoại, các cháu có cuộc sống ổn định, được mẹ chăm sóc tốt, hơn nữa hiện nay các cháu còn nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng tâm lý của các cháu. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên thì cháu Nguyễn Thị Yến N trình bày có nguyện vọng sống với mẹ. Hiện nay chị Y đi làm ở Trà Vinh, sáng đi làm chiều về với các con, còn anh Lập E thì buôn bán ở huyện C đi vài ngày mới về với con một lần. Như vậy, anh Lập E sẽ không đảm bảo được điều kiện chăm sóc các con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lập E trình bày nếu anh được quyền nuôi 02 con thì anh vẫn để 02 con cho ông, bà ngoại chăm sóc do nghề nghiệp của anh là buôn bán nên không có thời gian, điều kiện trực tiếp chăm sóc các con. Do đó, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, môi trường sống và sự phát triển bình thường của cháu Yến N và Yến K, nên giao hai con chung cho chị Y tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu của chị Y về cấp dưỡng nuôi con nhận thấy: Khi ly hôn chị Y là người trực tiếp nuôi hai con chung nên theo quy định tại khoản 2, Điều 82 thì “2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y, buộc anh Lập E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Chị Y yêu cầu anh Lập E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lập E không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, chị Y không chứng minh được thu nhập hàng tháng của anh Lập E. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lập E trình bày nghề nghiệp của anh là buôn bán thủy sản, thu nhập mỗi tháng khoảng 30.000.000 đồng. Như vậy, với mức thu nhập này thì anh L Em đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Y. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Y và buộc anh Lập E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền 4.000.000 đồng/tháng (2.000.000 đồng/1 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.5] Anh Lập E kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo của anh Lập E không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L Em; giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 99/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Văn L Em không được chấp nhận nên anh Lập E1 chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L Em.

Giữ nguyên quyết định bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 99/2022/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Kim Y.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 18/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Yến K, sinh ngày 08/02/2017. Khi ly hôn, giao hai con chung cho chị Phan Thị Kim Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn L Em phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng (hai con là 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con,

cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thị Kim Y và anh Nguyễn Văn L Em trình bày không còn nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Kim Y phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006771 ngày 06 tháng 07 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Buộc anh Nguyễn Văn L Em phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

7. Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn L Em phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001071 ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh Lập E đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt

